

Số /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt
Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8
năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4
năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải
quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện
cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-BTP ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng
Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
luật sư, công chứng thuộc chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 139/TTr-STP ngày 6
tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới kèm theo Quyết định này Danh mục **33** (*ba mươi ba*) thủ tục hành chính (TTHC) (tỉnh: 31 TTHC, xã:02 TTHC) và phê duyệt **33** quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố mới Danh mục TTHC và phê duyệt Quy trình nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Giám đốc Sở Tư pháp căn cứ Quyết định này thông báo và đăng tải công khai Danh mục TTHC thực hiện tại Bộ phận Một cửa; danh mục TTHC thực hiện qua Dịch vụ bưu chính công ích; danh mục TTHC thực hiện Dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi, chức năng quản lý. Truy cập địa chỉ <http://csdl.dichvucong.gov.vn> để khai thác, sử dụng dữ liệu TTHC được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, cung cấp nội dung TTHC cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và niêm yết, công khai TTHC theo quy định. Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai Quyết định này đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-Văn phòng CP (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT PVHCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ BÃI BỎ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
A	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG (19 TTHC)							
1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng 1.001071	Toàn trình	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13. - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.
2	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng 1.001446	Toàn trình	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.
3	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức	Toàn trình	05 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung	không	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1.001125		nhận đủ hồ sơ hợp lệ	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh			công trực tuyến	
4	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác 1.001153	Toàn trình	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
5	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng 1.001438	Toàn trình	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	hành nghề công chứng.
6	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng 1.001721	Toàn trình	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	3.500.000 đồng/hồ sơ.	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	
7	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên 1.001756	Toàn trình	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	100.000 đồng/hồ sơ.	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								<p>hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>
8	Cấp lại Thẻ công chứng viên 1.001799	Toàn trình	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	100.000 đồng/hồ sơ	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
9	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng 2.002387	Toàn trình	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Sở Tư pháp	- Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.
10	Thành lập Văn phòng công chứng 1.001877	Một phần	hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	1.000.000 đồng/hồ sơ.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tư pháp)	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.
11	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng 2.000789	Toàn trình	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	1.000.000 đồng/hồ sơ.	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng 2.000778	Toàn trình	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	- 500.000 đồng/hồ sơ đối với trường hợp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động khi thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng; - Không thu phí đối với trường hợp ghi nhận nội dung thay đổi đăng ký hoạt động khi thay đổi công chứng viên hợp danh hoặc	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.			20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
13	Hợp nhất Văn phòng công chứng 1.001688	Toàn trình	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	UBND tỉnh (Sở Tư pháp)	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.					
14	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất 2.000766	Toàn trình	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	1.000.000 đồng/hồ sơ.	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
15	Sáp nhập Văn phòng công chứng 1.001665	Toàn trình	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh		Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Tư pháp)	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.					
16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập 2.000758	Toàn trình	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	500.000 đồng/hồ sơ.	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
17	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng 1.001647	Một phần	<p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công</p>		Không	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Tư pháp)	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.</p>

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.					
18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng chuyên nhượng 2.000743	Một phần	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	500.000 đồng/hồ sơ.	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
19	Thành lập Hội công chứng viên 1.003118	Một phần	<p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thành lập Hội công chứng viên, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định Đề án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Hội công chứng viên;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định cho phép thành lập Hội công chứng viên; trường hợp</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	UBND tỉnh (Sở Tư pháp)	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	<p>- Luật Công chứng số 53/2014/QH13;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.</p>

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.					
B	LĨNH VỰC LỊCH TƯ PHÁP (03 TTHC)							
1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam 2.000488	Toàn trình	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	- Phí cung cấp thông tin LLTP: 200.000 đồng/lần/người - Phí cung cấp thông tin LLTP của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ):	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	- Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12; Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14; Luật Căn cước công dân năm 2014; Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020. - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			việc		100.000 đồng/lần/ người <i>Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin LLTP gồm: Trẻ em theo quy định tại Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi; Người khuyết tật theo quy định tại Luật người khuyết tật; Người thuộc hộ nghèo và</i>			pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp. - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p><i>Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>Trường hợp người được cấp Phiếu LLTP đề nghị cấp trên 2 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ phiếu thứ 3 trở đi cơ</i></p>			

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<i>quan cấp phiếu LLTP thu thêm 5.000đ/phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu LLTP.</i>			
2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam) 2.000467	Toàn trình	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; Thông tư liên tịch số 04/2012/TILT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.					cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiền hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) 2.000512	Toàn trình	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	không	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến	Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; Thông tư liên tịch số

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.					04/2012/TILT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.
C	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI							
1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ	Một phần	- Thời gian: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy	Trung tâm Phục vụ hành chính	Lệ phí: 9.000.000 đồng/trường hợp	Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
	em sống ở cơ sở nuôi dưỡng 1.003976		<p>đủ, hợp lệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 30 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến. - Thời gian cơ quan công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở 	công tỉnh Trà Vinh	<p>Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.</p> <p>+ Chi phí: 50.000.000 đồng/trường hợp</p> <p>Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn nộp chi phí.</p>			<p>hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <p>Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi. - Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>Tư pháp. Trường hợp Công an tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn</p>					<p>dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy</p>					

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 28 và khoản 3 Điều 36 Luật nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giải quyết việc</p>					

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi. - Thời gian Ủy ban nhân dân 					

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>tính ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.</p>					

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
2	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi 1.004878	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 30 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	<ul style="list-style-type: none"> -Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. -Mức thu lệ phí: + Áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài: 4.500.000đ/t rường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi. + Trường hợp đồng thời nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em 	Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>quốc tế với Việt Nam: Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993:</p>		<p>ruột làm con nuôi: được lựa chọn áp dụng mức giảm lệ phí như trên hoặc áp dụng mức giảm 50% lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài từ trẻ em thứ hai trở đi được nhận làm con nuôi (mức lệ phí chưa giảm: 9.000.000 đồng/trường hợp).</p> <p>- Mức thu chi phí: Không quy định.</p> <p>- Thời điểm nộp lệ phí:</p>			<p>Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.</p>

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>+Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người</p>		Nộp sau khi Cục Con nuôi tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.			

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			<p>nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc</p>					

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.					
3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài 1.003179	Một phần	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Không	Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
								ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi 1.003160	Một phần	- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày được lấy ý kiến. - Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp	Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.					ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
D LĨNH VỰC QUỐC TỊCH								
1	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam 2.001895	Một phần	03 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	100.000 đồng. Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					Việt Nam là thành viên; khiếu nại Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.			lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam 2.002039	Một phần	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự	Sở Tư pháp	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt			Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch - Thông tư số 281/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.			
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước 2.002038	Một phần	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					<p>công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước</p>			<p>ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p>

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.			
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước 2.002036	Một phần	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	2.500.000	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
					đồng.			tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước 1.005136	Một phần	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền - 16 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 51 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh	100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của	Sở Tư pháp	Nộp hồ sơ trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ DVC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam		điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.			quốc tịch -Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI								
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước 2.001263	Một phần	Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi:	Bộ phận Một cửa cấp xã	- Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp. - Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật,	UBND cấp xã	Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã	- Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
			15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.		nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.			

ST T	Tên, mã số TTHC	Mức độ cung cấp dịch vụ	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cơ quan thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước 2.001255	Một phần	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Không	UBND cấp xã	Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài; - Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực công chứng

1. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký tập sự hành nghề công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
Bước 1	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
Bước 2	Phòng hành chính và Hỗ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	36 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyển trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
Bước 3	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
Bước 4	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TIPVHCC.	04 giờ			
Bước 5	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng
 Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	36 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

3. Tên thủ tục hành chính: Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	20 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

4. Tên thủ tục hành chính: Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	36 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

5. Tên thủ tục hành chính: Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	20 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

6. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 120 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	100 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

7. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	36 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

8. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Thẻ công chứng viên

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	20 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

9. Tên thủ tục hành chính: Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	20 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

10. Tên thủ tục hành chính: Thành lập Văn phòng công chứng.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	20 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

11. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	60 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

12. Tên thủ tục hành chính: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	36 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

13. Tên thủ tục hành chính: Hợp nhất Văn phòng công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	140 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thâm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

14. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	60 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

15. Tên thủ tục hành chính: Sáp nhập Văn phòng công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	140 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

16. Tên thủ tục hành chính: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập
 Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	36 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

17. Tên thủ tục hành chính: Chuyển nhượng Văn phòng công chứng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	140 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

18. Tên thủ tục hành chính: Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng
 Tổng thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày x 08 giờ = 56 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	36 giờ			
		LĐ phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

19. Tên thủ tục hành chính: Thành lập Hội công chứng viên

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày x 08 giờ = 240 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	LD phòng phụ trách lĩnh vực	- Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý.	04 giờ			
		CV phụ trách lĩnh vực	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	220 giờ			
		LD phòng phụ trách lĩnh vực	Lãnh đạo phòng thẩm định, chuyên trình Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	04 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

II. Lĩnh vực lý lịch tư pháp

1. Tên thủ tục hành chính: Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 140 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	08 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Lãnh đạo Phòng ký phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp	04 giờ			
		Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và Cơ quan có liên quan	Thực hiện tra cứu hoặc xác minh (nếu có) Chuyên viên phụ trách tổng hợp kết quả Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và Cơ quan có liên quan và dự thảo kết quả TTHC trình Lãnh đạo Sở/ Lãnh đạo phòng xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	80 giờ			
				16 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Tên thủ tục hành chính: Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 140 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	08 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Lãnh đạo Phòng ký phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp	04 giờ			
		Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và Cơ quan có liên quan	Thực hiện tra cứu hoặc xác minh (nếu có) Chuyên viên phụ trách tổng hợp kết quả Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và Cơ quan có liên quan và dự thảo kết quả TTHC trình Lãnh đạo Sở/ Lãnh đạo phòng xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	80 giờ 16 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

3. Tên thủ tục hành chính: Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiền hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 15 ngày x 08 giờ = 140 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	08 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Lãnh đạo Phòng ký phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp	04 giờ			
		Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và Cơ quan có liên quan	Thực hiện tra cứu hoặc xác minh (nếu có) Chuyên viên phụ trách tổng hợp kết quả Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia và Cơ quan có liên quan và dự thảo kết quả TTHC trình Lãnh đạo Sở/ Lãnh đạo phòng xem xét, phê duyệt kết quả trên Phân hệ một cửa điện tử	80 giờ 16 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

III. Lĩnh vực nuôi con nuôi

1. Tên thủ tục hành chính: Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 82 ngày x 08 giờ = 656 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp	40 giờ			
			kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan	152 giờ			
	Cơ quan có liên quan	Cơ quan có liên quan	Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi	240 giờ			
	Công an tỉnh	Công an tỉnh	Thẩm tra, xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi	480 giờ			
	Cục Con nuôi	Cục Con nuôi	kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	120 giờ			
		Sở Tư pháp		210 giờ			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của cha mẹ đẻ trẻ em	Niên yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi (nếu có)	480 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.				

2. Tên thủ tục hành chính: Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 82 ngày x 08 giờ = 656 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		Lãnh đạo, Chuyên viên phụ trách	kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan, xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài	160 giờ			
			Lấy ý kiến những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài	240 giờ			
	Cục Con nuôi	Cục Con nuôi	- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước chưa có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam: + Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.	120 giờ			
			- Đối với trường hợp trẻ em được nhận làm con nuôi ở những nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi quốc tế với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Lahay 1993: + Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm				

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
			<p>định hồ sơ của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí theo quy định.</p> <p>+ Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p>				
			Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi	210 giờ			
	UBND tỉnh	UBND tỉnh	Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.	120 giờ			
Bước 3	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Ký thông báo về việc nhận con nuôi				
Bước 4	Văn phòng	Văn thư	Phát hành Thông báo				
Bước 5			người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.				

3. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Tiến kiểm tra, thẩm tra, xác minh nếu có Dự thảo kết quả giải quyết	26			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.				

4. Tên thủ tục hành chính: Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 82 ngày x 08 giờ = 656 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Hỗ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Cơ quan chủ quản cho ý kiến gửi Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người có liên quan	160 giờ			
	Cơ quan có liên quan	Cơ quan có liên quan	Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi	120 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.				

IV. Lĩnh vực nuôi con nuôi**1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày x 08 giờ = 24 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Kiểm tra, giải quyết hồ sơ Dự thảo kết quả	16 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 115 ngày x 08 giờ = 920 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Kiểm tra, giải quyết hồ sơ Dự thảo kết quả	904 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

3. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 85 ngày x 08 giờ = 680 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Kiểm tra, giải quyết hồ sơ Dự thảo kết quả	664 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

3. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 75 ngày x 08 giờ = 600 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Kiểm tra, giải quyết hồ sơ Dự thảo kết quả	584 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

4. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 51 ngày x 08 giờ = 408 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Phòng hành chính và Bộ trợ tư pháp	CV phụ trách	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Hồ sơ không hợp lệ: Văn bản trả lời - Hồ sơ hợp lệ: Tiếp nhận và đính kèm vào Phân hệ một cửa điện tử trình lãnh đạo phòng.	04 giờ			
		LĐ phòng phụ trách	Kiểm tra, giải quyết hồ sơ trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam;	128 giờ			
			Kiểm tra, giải quyết hồ sơ không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam	408 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo cơ quan	PGĐ phụ trách lĩnh vực	Phê duyệt kết quả	04 giờ			
<i>Bước 4</i>	Văn phòng	Văn thư	- Vào sổ, đóng dấu (nếu có). - Gửi kết quả TTPVHCC.	04 giờ			
<i>Bước 5</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chuyên viên bộ phận tiếp nhận	Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.				

B. CẤP XÃ**1. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 30 ngày x 08 giờ = 240 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	236 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				

2. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 05 ngày x 08 giờ = 30 giờ.

Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	TG quy định	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
<i>Bước 1</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả; - Chuyển hồ sơ.	04 giờ			
<i>Bước 2</i>	Tư pháp – Hộ tịch	Công chức	- Xử lý, thẩm định hồ sơ; - Tiến hành xác minh (nếu có); - Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét.	26 giờ			
<i>Bước 3</i>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo	- Ký văn bản phê duyệt kết quả.				
<i>Bước 4</i>	Văn phòng HĐND và UBND cấp xã	Công chức	- Đóng dấu (nếu có); - Gửi kết quả TTHC.				
<i>Bước 5</i>	Bộ phận Một cửa cấp xã	Công chức	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				